

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN A
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Khắc Tuấn
2. Bà Lê Thị Thu Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 717/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1979; (có mặt)

HKTT: Khu phố B, phường C, tp PT, Bình Thuận.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (có mặt);

HKTT: Khu phố B, phường C, tp PT, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thanh A trình bày:

Ông Nguyễn Thanh A và bà Nguyễn Thị D sống chung với nhau từ năm 2000 như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm, đến năm 2009 thì hai người không còn sống chung với nhau nữa. Từ đó không ai quan tâm đến ai, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay ông A yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Trong thời gian chung sống với nhau ông A và bà D có hai con chung là Nguyễn Thanh E, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Thị F, sinh ngày 28/8/2004. Ông

A yêu cầu được nuôi cháu F, còn bà D nuôi cháu E, vì hiện tại cháu F đang ở với ông, cháu E đang ở với bà D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn Nguyễn Thị D trình bày: bà D thống nhất với lời khai của ông A về thời gian chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về thời gian không còn chung sống với nhau. Về con chung bà D cũng thống nhất với lời khai và yêu cầu về việc nuôi con như ông A nêu. Bà D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông A là vợ chồng, để quan hệ giữa hai người được chấm dứt rõ ràng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và HĐXX là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định và không bổ sung gì thêm về tố tụng. Đề nghị chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh A và bà Nguyễn Thị D, công nhận việc nuôi con chung theo như đương sự đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của ông A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: ông A và bà D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong thời gian chung sống với nhau, ông A và bà D thường xảy ra nhiều mâu thuẫn xích mích trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2009 đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Ông A và bà D đều thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy vụ án ly hôn này thuộc trường hợp không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh A và bà Nguyễn Thị D theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau ông A và bà D có hai con chung là Nguyễn Thanh E, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Thị F, sinh ngày 28/8/2004. Ông A yêu cầu được nuôi cháu F, còn bà D nuôi cháu E, vì hiện tại cháu F đang ở với ông, cháu E đang ở với bà D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bà D thống nhất theo ý kiến của ông A. Do đó HĐXX công nhận thỏa thuận về việc nuôi con chung của các đương sự.

Về tài sản chung và nợ chung: ông A và bà D khai không có, không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Thanh A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 9, Điều 14, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 35/2000/NQ-HĐTP, ngày 09/6/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh A và bà Nguyễn Thị D.

Về con chung: công nhận thỏa thuận của ông A và bà D như sau: ông A trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị F - sinh ngày 28/8/2004, bà D trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thanh E - sinh ngày 05/6/2002, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông A và bà D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh A phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Ông A đã nộp đủ tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng số 0005123 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PT.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/01/2020).

Nơi nhận:

-VKS tp PT;

-THA tp PT;

-Đương sự;

-Lưu.

TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHẠM THÁI BÌNH